

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ - ST

Ngày 04 - 02 - 2026

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lợi và bà Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Cao Mỹ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Trị xét xử công khai vụ án thụ lý số 140/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1978.

Căn cước công dân số: 044178006139

Nơi cư trú: Tiểu khu Tân L, xã Đồng L, tỉnh Quảng Trị. Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Hải D, sinh năm 1979

Căn cước công dân số: 04079007928

Nơi cư trú: Tiểu khu Tân L, xã Đồng L, tỉnh Quảng Trị. Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hải D có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Đồng Lê, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà nội, đến năm 2020 thì làm nhà ở riêng, cuộc sống vợ chồng

hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh Dương thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến gia đình. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Sinh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Thanh Hùng, sinh ngày 11/5/2002; Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 02/8/2006 và Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 29/01/2017. Sau khi ly hôn, chị Sinh có giao con chung Nguyễn Tiến Đạt cho anh Dương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Dương mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đối với con chung Nguyễn Thanh Hùng và Nguyễn Thị Nga đã trưởng thành nên chị Sinh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Sinh trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hải Dương trình bày:

Anh và chị Trần Thị Sinh có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Đồng Lê, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị Sinh có quan hệ bất chính với người khác và bỏ nhà đi từ tháng 12/2023 cho đến nay, hai vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Sinh làm đơn xin ly hôn thì anh Dương cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Thanh Hùng, sinh ngày 11/5/2002; Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 02/8/2006 và Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 29/01/2017. Hiện nay, con chung Nguyễn Tiến Đạt đang sinh sống cùng anh Dương. Sau khi ly hôn, anh Dương có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tiến Đạt và yêu cầu chị Sinh đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đối với con chung Nguyễn Thanh Hùng và Nguyễn Thị Nga đã trưởng thành nên anh Dương không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Hải Dương trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Sinh và bị đơn anh Nguyễn Hải Dương có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, lý do công việc ở xa đi lại khó khăn nên không thể trực tiếp đến Tòa án giải quyết ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị phát biểu quan điểm

giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đề nghị xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Sinh và bị đơn anh Nguyễn Hải Dương.

2. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Sinh và anh Nguyễn Hải Dương.

3. Về quan hệ con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 29/01/2017 cho anh Nguyễn Hải Dương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Sinh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Dương mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Đối với con chung Nguyễn Thanh Hùng, sinh ngày 11/5/2002 và Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 02/8/2006 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân nên các con muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Sinh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Sinh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hải Dương, cư trú tại Tiểu khu Tân Lập, xã Đồng Lê, tỉnh Quảng Trị, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Quảng Trị thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị S và bị đơn anh Nguyễn Hải D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật

tổ tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hải D có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2001 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2001 của Ủy ban nhân dân xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Đồng Lê, tỉnh Quảng Trị) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng từ năm 2023 đến nay, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, vợ chồng chung sống nhưng không tin tưởng lẫn nhau. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, chị Sinh giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Dương và anh Dương cũng đồng ý ly hôn. Xét trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Chị Sinh xin ly hôn, anh Dương cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Sinh và anh Nguyễn Hải Dương.

[3] Về quan hệ con chung:

Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hải D thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Thanh Hùng, sinh ngày 11/5/2002; Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 02/8/2006 và Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 29/01/2017. Sau khi ly hôn, chị Sinh giao con chung Nguyễn Tiến Đạt cho anh Dương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Dương mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Anh Dương cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tiến Đạt và yêu cầu chị Sinh đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy, con chung hiện đang sinh sống ổn định cùng anh Dương, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Vì vậy, giao con chung Nguyễn Tiến Đạt cho anh Nguyễn Hải Dương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Trần Thị Sinh có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Dương mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nuôi sống bản thân là phù hợp với nguyện vọng của con, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, hai bên đương sự, điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với con chung Nguyễn Thanh Hùng, sinh ngày 11/5/2002 và Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 02/8/2006 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân nên các con muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của các con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hải D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ, để sung vào công quỹ Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Sinh đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001924 ngày 21 tháng 11 năm 2025. Chị Trần Thị Sinh phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị S và bị đơn anh Nguyễn Hải D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hải D. Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hải D chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/01/2017 cho anh Nguyễn Hải D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 11/5/2002 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 02/8/2006 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân nên các con muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của các con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có

quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ, để sung vào công quỹ Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Sinh đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001924 ngày 21 tháng 11 năm 2025. Chị Trần Thị Sinh phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 - Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 2 - Quảng Trị;
- UBND xã Đồng Lê – Quảng Trị;
- Công an xã Đồng Lê – Quảng Trị;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Anh Tuấn

